

Lớp	9A	9B	9C	9D
Ngày giảng				
Sĩ số				

Tiết 44:
KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN: ĐỊA LÝ- LỚP 9
(ĐỀ SỐ 01)

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA

Kiểm tra mức độ đạt chuẩn KTKN của HS về :

1. Kiến thức:

- Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá nhận thức, kiến thức của học sinh học kỳ II
- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long
 - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
 - Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế, nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn của vùng ĐNB và ĐBSCL.
 - Trình bày đặc điểm tài nguyên và môi trường biển đảo, một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển đảo.

2. Kỹ năng:

- Vẽ và phân tích biểu đồ về cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước.

3. Thái độ: Học sinh có thái độ tự giác, độc lập và tích cực làm bài

4. Định hướng hình thành các năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, ôn lại kiến thức, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, tư duy.
- Năng lực riêng: Năng lực tư duy tổng hợp, sử dụng số liệu thống kê

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức kiểm tra: trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận
- Học sinh làm bài trên lớp.

III. MA TRẬN

Mức độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TN KQ	TNTL	TN KQ	TNTL	TN KQ	TNTL	TN KQ	TN TL	
Tên chủ đề									
Vùng Đông Nam Bộ	Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.		- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội của vùng và tác động của chúng tới sự phát triển - Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng : công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu GDP ; công nghiệp có cơ cấu đa dạng với nhiều ngành quan trọng ; sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng.		- Phân tích biểu đồ về cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước				
Số câu: 12 Số điểm: 4,75 Tỉ lệ: 47,5%	5 1,25 12,5%		6 1,5 15%			1 2 20%			Số câu: 12 Số điểm: 4,75 Tỉ lệ: 47,5%
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng đồng bằng sông Cửu Long - Hiểu được đặc điểm phát triển nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.		- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế của vùng.						
Số câu: 3 Số điểm: 2,5 Tỉ lệ: 25%	1 0,25 2,5%	1 2 20%	1 0,25 2,5%						Số câu: 3 Số điểm: 2,5 Tỉ lệ: 25%
Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển.	- Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam. - Nhận biết một số bãi biển thuộc các tỉnh , thành phố trên cả nước		- Trình bày nguyên nhân giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển, đảo. Các giải pháp bảo vệ.						
Số câu: 4 Số điểm: 2,75 Tỉ lệ: 27,5%	2 0,5 5%		1 0,25 2,5	1 2 25%					Số câu: 4 Số điểm: 2,75 Tỉ lệ: 27,5%
Số câu: 19 Số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%	9 4 40 %		9 4 40%		1 2 20%				Số câu: 19 Số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%

IV. ĐỀ KIỂM TRA

Họ và tên:.....
Lớp:9.....

Ngày.....tháng.....năm 2022
KIỂM TRA CUỐI KÌ II
Môn: Địa lí 9
 Thời gian: 45 phút

Kí ra đề	Kí thăm định đề

Điểm	Lời phê của thầy/cô giáo

ĐỀ BÀI

Phần I.Trắc nghiệm khách quan: (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm)

Câu 1. Vùng nào có diện tích nhỏ nhất trong các vùng dưới đây?

- A. Đông Nam Bộ.
B. Đồng bằng Sông Cửu Long
C. Tây Nguyên.
D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 2. Những đảo có điều kiện thích hợp nhất để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển là:

- A. Cô Tô, Cái Bàu, Thổ Chu
B. Lý Sơn, Cù Lao Chàm, Hòn Khoai.
C. Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.
D. Các đảo trong vịnh Hạ Long.

Câu 3. Cây công nghiệp chiếm diện tích lớn nhất của Đông Nam Bộ là:

- A. Cao su. C. Chè
B. Cà phê. D. Hồ tiêu.

Câu 4. Vùng kinh tế trọng điểm phía nam bao gồm những tỉnh và thành phố:

- A. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.
B. T.P.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An.
C. Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Dương, Long An.
D. T.P.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Hưng Yên.

Câu 5: Dân số Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019 là:

- A. 8.993.000 người
B. 9.993.000 người
C. 7.993.000 người
D. 6.900.000 người.

Câu 6: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có: Diện tích: 39734 km²; Dân số: 16,7 triệu người (năm 2002). Mật độ dân số của vùng là :

A: 420,3 người / km²

B : 120,5 người / km²

C: 2379,3 người /km²

D : 420,9 người / km²

Câu 7: Khu vực có diện tích đất phù sa ngọt lớn nhất nước ta là

A. Các vùng trung du và miền núi

B. Vùng Đồng bằng Sông hồng

C. Vùng Đồng bằng sông cửu long.

D. Các đồng bằng duyên hải miền trung.

Câu 8: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Bà Rịa – Vũng Tàu là:

A. Than

B . Hoá dầu

C. Nhiệt điện

D. Thủy điện.

Câu 9: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

A. chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)

B. đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

C. ít khoáng sản, rừng và tầng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

D. tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

Câu 10: Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực

A. Nông, lâm, ngư nghiệp

B. Dịch vụ

C. Công nghiệp xây dựng

D. Khai thác dầu khí

Câu 11. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là

A. 3 160 km và khoảng 0,5 triệu km²

B. 3. 260km và khoảng 1 triệu km²

C. 3. 460 km và khoảng 2 triệu km²

D. 2. 360 km và khoảng 1,0 triệu km²

Câu 12. Ô nhiễm môi trường biển sẽ **không** dẫn đến hậu quả

A. làm suy giảm tài nguyên sinh vật biển

B. ảnh hưởng xấu đến chất lượng các khu du lịch biển

C. tác động đến đời sống của ngư dân

D. tài nguyên sinh vật ngày càng được phục hồi.

Câu 13. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất Đông Nam Bộ?

A. Bô xít

B. Sét, cao lanh

C. Dầu mỏ

D. Khí tự nhiên

Câu 14. Thành phố nào chiếm tỉ trọng lớn nhất về giá trị sản xuất công nghiệp Đông Nam Bộ?

A. TP Hồ Chí Minh

B. TP Biên Hoà

C. TP Vũng Tàu

D. Tỉnh Đồng Nai

Câu 15.Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào?

A. Sóc Trăng

B. Bạc Liêu

C. Cà Mau

D. Kiên Giang

Câu 16.Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm những tỉnh nào?

A. TP Hồ Chí Minh

B. Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Long An

C. Đồng Tháp, Long An, Đồng Tháp, Ninh Thuận

D. Câu A,B đúng

Phần II. Trắc nghiệm tự luận: (6 điểm)

Câu 17. (2 điểm) Đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện thuận lợi gì để trở thành vùng sản xuất lương thực thực phẩm lớn nhất nước ta?

Câu 18. (2 điểm)

a) Cho biết những nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút tài nguyên biển và ô nhiễm môi trường biển đảo?

b) Bằng sự hiểu biết của bản thân, em hãy nêu ảnh hưởng của nước biển dâng do biến đổi khí hậu toàn cầu đối với vùng ven biển nước ta ?

Câu 19. (2 điểm) Cho bảng số liệu :

Cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ và cả nước, năm 2002 (%)

Khu vực Vùng	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
Đông Nam Bộ	6,2	59,3	34,5
Cả nước	23,0	38,5	38,5

Căn cứ vào bảng số liệu trên, nhận xét cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.

So với cơ cấu kinh tế cả nước, cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ có gì khác biệt ?

BÀI LÀM

V. HƯỚNG DẪN CHẤM – THANG ĐIỂM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (4 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	C	A	B	A	A	C	B	C	C	B	D	<u>C</u>	<u>A</u>	<u>D</u>	<u>D</u>

PHẦN II. HƯỚNG DẪN CHẤM TỰ LUẬN (6 ĐIỂM)

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM	TỔNG
Tự luận (6đ)	17	a. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên : - Đất: là đồng bằng châu thổ có diện tích lớn nhất nước ta, với diện tích gần 4 triệu ha, đất phù sa ngọt 1,2 triệu ha. Đất đai phì nhiêu màu mỡ, kết hợp địa hình thấp và bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất lương thực với quy mô lớn - Khí hậu có tính chất cận xích đạo, thời tiết khí hậu khá ổn định giúp cho Đồng bằng sông Cửu Long đẩy mạnh sản xuất lương thực thâm canh cho năng suất cao và có thể sản xuất được ba vụ lúa trên năm - Sông ngòi kênh rạch dày đặc là nguồn nước tưới tiêu , bồi đắp phù sa cho đồng ruộng, cung cấp nước để cải tạo đất phèn đất mặn	0,5	2
		b. Điều kiện kinh tế xã hội - Dân đông, nguồn lao động dồi dào , nguồn lao động có kinh nghiệm trồng lúa - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất kĩ thuật nhất định. Chính sách của nhà nước khuyến khích nhân dân hăng say sản xuất. Thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn.	0,25	
			0,25	
			0,5	
			0,5	
Tự luận (6đ)	18	a) Nguyên nhân dẫn đến giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển, đảo : - Nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút tài nguyên biển đảo: Sự giảm sút tài nguyên hải sản và rừng ngập mặn do đánh bắt, khai thác quá mức và do ô nhiễm môi trường. - Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển : + Do chất thải sinh hoạt từ các khu dân cư, đô thị ; chất thải sản xuất từ các khu công nghiệp, dịch vụ chưa qua xử lí thải xuống lòng suối, lòng sông đổ ra biển. + Do hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trên	0,5 0,25 0,25	2

		biển ; do đắm tàu ; tràn dầu ; rửa tàu và hoạt động giao thông trên biển. b) Ảnh hưởng của nước biển dâng do biến đổi khí hậu toàn cầu đối với vùng ven bờ biển nước ta : Nước biển dâng sẽ làm ngập một số vùng đất trũng thấp ven biển, làm mất diện tích đất ở, đất canh tác, ảnh hưởng đến các khu du lịch, các bãi tắm, các công trình hạ tầng, ... và đời sống của cư dân ven biển.	1	
Tự luận (6đ)	19	Nhận xét : - Trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ : + Công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất (59,3%); + Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ (6,2%) - So với cơ cấu kinh tế cả nước : + Tỉ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp và ngành dịch vụ vùng Đông Nam Bộ thấp hơn. (trong đó tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp thấp hơn nhiều) + Tỉ trọng công nghiệp - xây dựng lại cao hơn. => Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu kinh tế tiến bộ nhất so với các vùng khác trong cả nước.	1	2
		Tổng cộng	10	10

Ngày.....tháng.....năm 2022
 NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

Hoàng Thị Thúy Vân

Ngày..... tháng.....năm 2022
 NGƯỜI RA ĐỀ

Trần Thị Thuý Diệu

Lớp	9A	9B	9C	9D
Ngày giảng				
Sĩ số				

Tiết 44:
KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN: ĐỊA LÝ- LỚP 9
(ĐỀ SỐ 02)

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA

Kiểm tra mức độ đạt chuẩn KTKN của HS về :

1. Kiến thức:

Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá nhận thức, kiến thức của học sinh học kỳ II

- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long
- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế, nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn của vùng ĐNB và ĐBSCL.
- Trình bày đặc điểm tài nguyên và môi trường biển đảo, một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển đảo.

2. Kỹ năng:

- Vẽ và phân tích biểu đồ về cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước.

3. Thái độ: Học sinh có thái độ tự giác, độc lập và tích cực làm bài

4. Định hướng hình thành các năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, ôn lại kiến thức, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, tư duy.
- Năng lực riêng: Năng lực tư duy tổng hợp, sử dụng số liệu thống kê

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức kiểm tra: trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận
- Học sinh làm bài trên lớp.

III. MA TRẬN

Mức độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TN KQ	TNTL	TN KQ	TNTL	TN KQ	TNTL	TN KQ	TN TL	
Tên chủ đề									
Vùng Đông Nam Bộ	Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.		- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội của vùng và tác động của chúng tới sự phát triển - Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng : công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu GDP ; công nghiệp có cơ cấu đa dạng với nhiều ngành quan trọng ; sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng.		- Vẽ và phân tích biểu đồ về cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước				
Số câu: 12 Số điểm: 4,75 Tỉ lệ: 47,5%	5 1,25 12,5%		6 1,5 15%			1 2 20%			Số câu: 12 Số điểm: 4,75 Tỉ lệ: 47,5%
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ vùng đồng bằng sông Cửu Long - Hiểu được đặc điểm phát triển nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.		- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế của vùng.		.				
Số câu: 3 Số điểm:2,5 Tỉ lệ: 25%	1 0,25 2,5%	1 2 20%	1 0,25 2,5%						Số câu: 3 Số điểm:2,5 Tỉ lệ: 25%
Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển.	- Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam. - Nhận biết một số bãi biển thuộc các tỉnh , thành phố trên cả nước		- Trình bày nguyên nhân giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển, đảo. Các giải pháp bảo vệ.						
Số câu: 4 Số điểm:2,75 Tỉ lệ: 27,5%	2 0,5 5%		1 0,25 2,5	1 2 25%					Số câu: 4 Số điểm: 2,75 Tỉ lệ: 27,5%
Số câu: 19 Số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%	9 4 40 %		9 4 40%		1 2 20%				Số câu: 19 Số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%

IV. ĐỀ KIỂM TRA

Họ và tên:.....
Lớp:9.....

Ngày.....tháng.....năm 2022
KIỂM TRA CUỐI KÌ II
Môn: Địa lí 9
Thời gian: 45 phút

Kí ra đề	Kí thẩm định đề

Điểm	Lời phê của thầy/cô giáo

ĐỀ BÀI

Phần I. Trắc nghiệm khách quan: (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng. (Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm)

Câu 1: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

- A. chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)
- B. đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường
- C. ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.**
- D. tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

Câu 2: Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực

- A. Nông, lâm, ngư nghiệp
- B. Dịch vụ
- C. Công nghiệp xây dựng**
- D. Khai thác dầu khí

Câu 3: Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là

- A. 3 160 km và khoảng 0,5 triệu km²
- B. 3. 260km và khoảng 1 triệu km²**
- C. 3. 460 km và khoảng 2 triệu km²
- D. 2. 360 km và khoảng 1,0 triệu km²

Câu 4: Ô nhiễm môi trường biển sẽ **không** dẫn đến hậu quả

- A. làm suy giảm tài nguyên sinh vật biển
- B. ảnh hưởng xấu đến chất lượng các khu du lịch biển
- C. tác động đến đời sống của ngư dân
- D. tài nguyên sinh vật ngày càng được phục hồi.**

Câu 5: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất Đông Nam Bộ?

- A. Bô xít
- B. Sét, cao lanh
- C. Dầu mỏ**
- D. Khí tự nhiên

Câu 6: Thành phố nào chiếm tỉ trọng lớn nhất về giá trị sản xuất công nghiệp Đông Nam Bộ?

- A. TP Hồ Chí Minh**
- B. TP Biên Hoà
- C. TP Vũng Tàu
- D. Tỉnh Đồng Nai

Câu 7: Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào?

- A. Sóc Trăng
- B. Bạc Liêu
- C. Cà Mau
- D. Kiên Giang**

Câu 8: Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm những tỉnh nào?

- A. TP Hồ Chí Minh
- B. Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Long An
- C. Đồng Tháp, Long An, Đồng Tháp, Ninh Thuận
- D. Câu A, B đúng**

Câu 9. Vùng nào có diện tích nhỏ nhất trong các vùng dưới đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng Sông Cửu Long
- C. Tây Nguyên.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 10. Những đảo có điều kiện thích hợp nhất để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển là:

- A. Cô Tô, Cái Bầu, Thổ Chu
- B. Lý Sơn, Cù Lao Chàm, Hòn Khoai.
- C. Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.
- D. Các đảo trong vịnh Hạ Long.

Câu 11. Cây công nghiệp chiếm diện tích lớn nhất của Đông Nam Bộ là:

- A. Cao su.
- B. Cà phê.
- C. Chè
- D. Hồ tiêu.

Câu 12. Vùng kinh tế trọng điểm phía nam bao gồm những tỉnh và thành phố:

- A. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.
- B. T.P. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An.
- C. Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Dương, Long An.
- D. T.P. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Hưng Yên.

Câu 13: Dân số Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019 là:

- A. 8.993.000 người**
- B. 9.993.000 người
- C. 7.993.000 người
- D. 6.900.000 người.

Câu 14: Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có: Diện tích: 39734 km²; Dân số: 16,7 triệu người (năm 2002). Mật độ dân số của vùng là :

- A: 420,3 người / km²**
- B : 120,5 người / km²
- C: 2379,3 người / km²
- D : 420,9 người / km²

Câu 15: Khu vực có diện tích đất phù sa ngọt lớn nhất nước ta là

- A. Các vùng trung du và miền núi
- B. Vùng Đồng bằng Sông hồng
- C. Vùng Đồng bằng sông cửu long.**
- D. Các đồng bằng duyên hải miền trung.

Câu 16: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Bà Rịa – Vũng Tàu là:

- A. Than
- B . Hoá dầu
- C. Nhiệt điện
- D. Thủy điện.

Phần II. Trắc nghiệm tự luận: (6 điểm)

Câu 17. (2 điểm) Đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện thuận lợi gì để trở thành vùng sản xuất lương thực thực phẩm lớn nhất nước ta?

Câu 18. (2 điểm)

a) Cho biết những nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút tài nguyên biển và ô nhiễm môi trường biển đảo?

b) Bằng sự hiểu biết của bản thân, em hãy nêu ảnh hưởng của nước biển dâng do biến đổi khí hậu toàn cầu đối với vùng ven biển nước ta ?

Câu 19. (2 điểm) Cho bảng số liệu :

Cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ và cả nước, năm 2002 (%)

Khu vực	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
Vùng Đông Nam Bộ	6,2	59,3	34,5
Cả nước	23,0	38,5	38,5

Căn cứ vào bảng số liệu trên, nhận xét cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.

So với cơ cấu kinh tế cả nước, cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ có gì khác biệt ?

BÀI LÀM

This image shows a full page of blank, lined paper. It features approximately 20 evenly spaced horizontal grey lines across its entire width, providing a template for writing or drawing. The margins are consistent on all sides.

V. HƯỚNG DẪN CHẤM – THANG ĐIỂM
PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (4 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>
Đáp án	C	C	B	D	<u>C</u>	<u>A</u>	<u>D</u>	<u>D</u>	A	C	A	B	A	A	C	B

PHẦN II. HƯỚNG DẪN CHẤM TỰ LUẬN (6 ĐIỂM)

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM	TỔNG
Tự luận (6đ)	17	a. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên : - Đất: là đồng bằng châu thổ có diện tích lớn nhất nước ta, với diện tích gần 4 triệu ha, đất phù sa ngọt 1,2 triệu ha. Đất đai phì nhiêu màu mỡ, kết hợp địa hình thấp và bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất lương thực với quy mô lớn - Khí hậu có tính chất cận xích đạo, thời tiết khí hậu khá ổn định giúp cho Đồng bằng sông Cửu Long đẩy mạnh sản xuất lương thực thâm canh cho năng suất cao và có thể sản xuất được ba vụ lúa trên năm - Sông ngòi kênh rạch dày đặc là nguồn nước tưới tiêu , bồi đắp phù sa cho đồng ruộng, cung cấp nước để cải tạo đất phèn đất mặn	0,5	2
		b. Điều kiện kinh tế xã hội - Dân đông, nguồn lao động dồi dào , nguồn lao động có kinh nghiệm trồng lúa - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất kĩ thuật nhất định. Chính sách của nhà nước khuyến khích nhân dân hăng say sản xuất. Thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn.	0,25	
			0,25	
			0,5	
			0,5	
Tự luận (6đ)	18	a) Nguyên nhân dẫn đến giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển, đảo : - Nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút tài nguyên biển đảo: Sự giảm sút tài nguyên hải sản và rừng ngập mặn do đánh bắt, khai thác quá mức và do ô nhiễm môi trường. - Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển : + Do chất thải sinh hoạt từ các khu dân cư, đô thị ; chất thải sản xuất từ các khu công nghiệp, dịch vụ	0,5	
			0,25	

		chưa qua xử lý thải xuống lòng suối, lòng sông đổ ra biển. + Do hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trên biển ; do đắm tàu ; tràn dầu ; rửa tàu và hoạt động giao thông trên biển. b) Ảnh hưởng của nước biển dâng do biến đổi khí hậu toàn cầu đối với vùng ven bờ biển nước ta : Nước biển dâng sẽ làm ngập một số vùng đất trũng thấp ven biển, làm mất diện tích đất ở, đất canh tác, ảnh hưởng đến các khu du lịch, các bãi tắm, các công trình hạ tầng, ... và đời sống của cư dân ven biển.	0,25 1	2
Tự luận (6đ)	19	Nhận xét : - Trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ : + Công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất (59,3%); + Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ (6,2%) - So với cơ cấu kinh tế cả nước : + Tỉ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp và ngành dịch vụ vùng Đông Nam Bộ thấp hơn. (trong đó tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp thấp hơn nhiều) + Tỉ trọng công nghiệp - xây dựng lại cao hơn. => Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu kinh tế tiến bộ nhất so với các vùng khác trong cả nước.	1 1	2
		Tổng cộng	10	10

Ngày.....tháng.....năm 2022
NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

Hoàng Thị Thúy Vân

Ngày..... tháng.....năm 2022
NGƯỜI RA ĐỀ

Trần Thị Thuý Diệu

